

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 152/2024/QĐST- HNGĐ

Q, ngày 25 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 144; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 202/2023/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2024.

Nội dung các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành là tự nguyện; thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1964; Căn cước công dân số: 001064011851 cấp ngày 24/7/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Đăng ký hộ khẩu và nơi ở hiện nay: đội 3, thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội; (0966265916)

* Bị đơn: Bà **Đỗ Thị O**, sinh năm 1972; Căn cước công dân số: 00172015746 cấp ngày 10/5/2023 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Đăng ký hộ khẩu và nơi ở hiện nay: đội 3, thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội; (0397798709)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

- Anh **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 05/12/1992; Căn cước công dân số: 001092042767 cấp ngày 10/5/2021 và anh **Nguyễn Văn Ng**, sinh ngày 11/9/1997; Căn cước công dân số: 001097013341 cấp ngày 24/7/2021; cùng thường trú tại: đội 3, thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đối với thửa đất số 120 tờ bản đồ số 38; địa chỉ: xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội:

- Ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn N được quyền sử dụng 168.1m² đất và tài sản trên đất (trong đó đất ở nông thôn là 148 m²; đất trồng cây lâu năm 20.1 m²) thuộc thửa đất số 120 tờ bản đồ số 38; địa chỉ: xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 098379; số vào sổ cấp GCN: 2222 do UBND huyện Q cấp ngày 26 tháng 01 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn D, bà Đỗ Thị O (được đánh số từ điểm 1,2,5,6,7 theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất của Công ty cổ phần đo đạc và bản đồ số 1 Q);

Trên đất có 01 nhà 02 tầng, xây dựng năm 2002; bếp + công trình phụ lợp mái tôn; tường 10; nhà tạm 45 m² (theo biên bản thẩm định và định giá tài sản ngày 23/4/2024).

- Bà Đỗ Thị O, anh Nguyễn Văn Ng được quyền sử dụng 168.1m² đất và tài sản trên đất (trong đó đất ở nông thôn là 148 m²; đất trồng cây lâu năm 20.1 m²) thuộc thửa đất số 120 tờ bản đồ số 38; địa chỉ: xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 098379; số vào sổ cấp GCN: 2222 do UBND huyện Q cấp ngày 26 tháng 01 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn D, bà Đỗ Thị O (được đánh số từ điểm 2,3,4,5 theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất của Công ty cổ phần đo đạc và bản đồ số 1 Q);

Trên đất có sân gạch (theo biên bản thẩm định và định giá tài sản ngày 23/4/2024).

2.2. Đối với thửa đất số 219 (31) tờ bản đồ số 6; địa chỉ: thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội:

- Ông Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Văn N được quyền sử dụng 517 m² đất (trong đó đất ở nông thôn là 150 m²; đất vườn 367 m²) thuộc thửa đất số 219 (31) tờ bản đồ số 6; địa chỉ: thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 714866; số vào sổ cấp GCN: 572 QSDĐ/ĐY do UBND huyện Q cấp ngày 29 tháng 9 năm 2004 cho hộ bà Đỗ Thị O (được đánh số từ điểm 1,2,3,6 theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất của Công ty cổ phần đo đạc và bản đồ số 1 Q).

- Bà Đỗ Thị O và anh Nguyễn Văn Ng được quyền sử dụng được quyền sử dụng 516.9 m² đất (trong đó đất ở nông thôn là 150 m²; đất vườn 366.9 m²) thuộc thửa đất số 219 (31) tờ bản đồ số 6; địa chỉ: thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội theo giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số P 714866; số vào sổ cấp GCN: 572 QSDD/ĐY do UBND huyện Q cấp ngày 29 tháng 9 năm 2004 cho hộ bà Đỗ Thị O (được đánh số từ điểm 6,3,4,5 theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất của Công ty cổ phần đo đạc và bản đồ số 1 Q).

Trên đất có phần nhà tạm khung sắt, mái tôn xây dựng năm 2022, diện tích xây dựng khoảng 30 m²; tường bao xung quanh. (kèm theo là hồ sơ kỹ thuật thửa đất của Công ty cổ phần đo đạc và bản đồ số 1 Q).

2.3. Đối với phần đất nông nghiệp: Ông D, bà O thống nhất thoả thuận chia mỗi người được quản lý 1/2 phần diện tích đất nông nghiệp hiện đang được nhà nước giao sử dụng và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tổng giá trị tài sản mà ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn N được giao là **1.584.141.091** đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bà Đỗ Thị O, anh Nguyễn Văn Ng được giao là **1.312.046.000** đồng.

3. Về thanh toán tiền chênh lệch về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu.

4. Án phí dân sự: ông Nguyễn Văn D tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự. Ông D có đơn xin miễn án phí do là người già nên được miễn toàn bộ án phí dân sự. Ông D tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự cho bà O, anh N, anh Ng là: 40.561.748 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 (*mười tám triệu*) đồng theo biên lai thu số 0019764 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội, ông Nguyễn Văn D còn phải nộp **22.561.748** đồng tiền án phí dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q;
- Chi cục THA dân sự huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(**đã ký**)

Nguyễn Ngọc Long